

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)
V	Xã Hòa Khánh		
1	Cụm Công nghiệp Đức Mỹ	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp Sao Vàng	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
VI	Xã Hiệp Hòa		
1	KCN DNN Tân Phú (giai đoạn 1)	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
		Đường bờ kênh (đường đất $\geq 3\text{m}$)	1.191.000
2	Cụm công nghiệp Hiệp Hòa	ĐT 822	1.455.000
		Đường nội bộ Cụm công nghiệp Hiệp Hòa	1.323.000
		Bên trong	1.080.000
VII	Xã An Ninh		
1	Cụm công nghiệp TTCN VLXD Lộc Giang	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
VIII	Xã Hậu Nghĩa		
1	Cụm công nghiệp Tân Mỹ	Đường cặp kênh Thầy Cai	1.323.000
		Đường bờ kênh (đường đất $\geq 3\text{m}$)	1.191.000
		Bên trong (các tuyến bờ kênh nhánh không lưu thông được)	1.080.000
IX	Xã Mỹ Yên		
1	KCN Vĩnh Lộc 2	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	KCN Phúc Long	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
X	Xã Bình Đức		
1	KCN Nhứt Chánh	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp Nhứt Chánh 2	Đường tỉnh 832	2.000.000
		Đường trục chính	1.455.000
		Các tuyến đường nội bộ còn lại	1.323.000
XI	Xã Bến Lức		
1	KCN Phú An Thạnh (giai đoạn 1)	Các tuyến đường nội bộ	1.257.000
2	KCN Thuận Đạo	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000